

Số: 512-1.25/KT01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
- Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
- Loại mẫu : Khí thải
- Số lượng : 01 mẫu
- Ngày nhận mẫu : 24/11/2025
- Ngày trả kết quả : 09/12/2025
- Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	Bụi tổng	mg/Nm ³	4,83	US EPA Method 5 (*)
02	SO ₂	mg/Nm ³	< 2,62	HD 5.7 - QT-27 (*)
03	CO	mg/Nm ³	31	HD 5.7 - QT-27 (*)
04	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	2	HD 5.7 - QT-27 (*)

Ghi chú:

- 512-1.25/KT01: Khí thải tại ống khói lò hơi 08 tấn hơi/giờ (sử dụng nhiên liệu trấu)
- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 019
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QT&PT


Phan Hoàng Phúc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Phạm Trung Nghiệm



Số: 429.25/NT02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU
2. Địa chỉ : Khu công nghiệp Trà Kha, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau
3. Loại mẫu : Nước thải
4. Số lượng : 01 mẫu
5. Ngày nhận mẫu : 13/11/2025
6. Ngày trả kết quả : 04/12/2025
7. Kết quả thử nghiệm:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
01	pH	-	8,12	TCVN 6492:2011
02	Nhiệt độ	°C	31	SMEWW 2550B:2023
03	Độ màu	Pt-Co	KPH (LOD = 4,0)	HD 5.6 - QT - 47(*)
04	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	13,6	TCVN 6001-1:2021
05	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	28,8	SMEWW 5220C:2023
06	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	24,2	TCVN 6625:2000
07	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	0,14	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
08	Tổng Photpho	mg/L	0,33	SMEWW 4500-P.B&E:2023
09	Tổng Nitơ	mg/L	11,4	TCVN 6638:2000
10	Mangan (Mn)	mg/L	KPH (LOD = 0,01)	US.EPA Method 200.7 (*)
11	Sắt (Fe)	mg/L	0,07	TCVN 6177:1996
12	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	762,9	TCVN 6194:1996
13	Clo dư	mg/L	KPH (LOD = 0,2)	TCVN 6225-3:2012
14	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,02)	SMEWW 4500-S ² .B&D:2023(*)
15	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023(*)
16	Tổng phenol	mg/L	KPH (LOD = 0,0003)	SMEWW 5530B&C:2023 (*)



TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp sử dụng
17	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	KPH (LOD = 0,90)	SMEWW 5520B&F:2023 (*)
18	Florua (F ⁻)	mg/L	KPH (LOD = 0,14)	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023 (*)
19	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	4,9 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

- 429.25/NT02: Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu
- “LOD”: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích phòng thí nghiệm; “KPH”: Không phát hiện
- (*): Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Vimcerts 019
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử
- Mẫu được lưu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ mẫu vi sinh.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm.

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG QT&PT



Phan Hoàng Phúc

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Trung Nghiệm

